TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 59/2019/HNGĐ-ST Ngày 27-9-2019 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Minh Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Tỵ

Bà Nguyễn Thị Lợi

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Đào Mai Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:*** Bà Phạm Thị Mai Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 233/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Lê Nhật T; nơi cư trú: Thôn Q, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Bị đơn*: Chị Lê Thị Mỹ H; ĐKHKTT và nơi cư trú cuối cùng: Thôn Q, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng; (đã bị tuyên bố là người mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 09/2019/QĐST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện An Dương); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, tại Bản tự khai, nguyên đơn anh Lê Nhật T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Lê Thị Mỹ H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện A, thành phố Hải

Phòng vào ngày 22 tháng 4 năm 2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn Q, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hoà hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra va chạm cãi nhau. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ tháng 9 năm 2009, chị H đã bỏ đi biệt tích, không để lại địa chỉ, gia đình cũng tìm kiếm nhiều nơi nhưng đều không có kết quả, không ai biết được tin tức xác thực về việc chị H còn sống hay đã chết. Vì vậy, anh đã có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện An Dương tuyên bố chị Lê Thị Mỹ H là người mất tích. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị Lê Thị Mỹ H.

Về con chung: Anh và chị Lê Thị Mỹ H có 01 con chung Lê Thị Q1, sinh ngày 23 tháng 9 năm 2008, con chung hiện do anh trực tiếp nuôi dưỡng. Anh đề nghị Tòa án giao con chung cho anh tiếp tục nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Toà án, giải quyết.

Đối với bị đơn chị Lê Thị Mỹ H: Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 09/2019/QĐST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện An Dương đã tuyên bố chị Lê Thị Mỹ H là người mất tích. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt cho chị H các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng chị H vẫn vắng mặt không có lý do nên không có quan điểm của chị H về việc anh Lê Nhật T xin ly hôn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn đã không đến Tòa án ghi bản tự khai; không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án; vắng mặt tại phiên tòa không có lý do đã vi phạm các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; Điều 51, khoản 2 Điều 56, các điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho anh Lê Nhật T được ly hôn với chị Lê Thị Mỹ H; Giao con chung Lê Thị Q1, sinh ngày 23 tháng 9 năm 2008 cho anh T nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; Về

việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung do đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Anh Lê Nhật T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Anh Lê Nhật T có đơn khởi kiện xin ly hôn với chị Lê Thị Mỹ H. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Lê Thị Mỹ H có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng tại thôn Q, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc xét xử vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lê Nhật T vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn chị Lê Thị Mỹ H là người mất tích theo theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 09/QĐST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện An Dương. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt cho chị H các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng chị H vẫn vắng mặt không có lý do. Nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Về nội dung:

[3] Anh Lê Nhật T và chị Lê Thị Mỹ H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 22 tháng 4 năm 2018 theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Tuy chị Lê Thị Mỹ H không đến Tòa án, nên không có quan điểm của chị H về việc anh Lê Nhật T xin ly hôn, nhưng căn cứ lời khai của nguyên đơn, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở xác định: Quá trình chung sống, anh Lê Nhật T và chị Lê Thị Mỹ H đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên chị H đã bỏ đi biệt tích từ tháng 9 năm 2009 không để lại địa chỉ, không ai biết được tin tức xác thực chị H còn sống hay đã chết. Tại Quyết định giải quyết việc dân sự số 09/QĐST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện An Dương đã tuyên bố chị Lê Thị Mỹ H là người mất tích. Vì vậy, căn cứ khoản 2, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Nhật T, xử cho anh Lê Nhật T được ly hôn chị Lê Thị Mỹ H.

[5] Về con chung: Anh Lê Nhật T và chị Lê Thị Mỹ H có 01 con chung là Lê Thị Q1, sinh ngày 23 tháng 9 năm 2008. Con chung hiện do anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Do chị Lê Thị Mỹ H là người bị Tòa án tuyên bố mất tích nên cần giao con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Khi nào chị H có yêu cầu về vấn đề con chung, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[6] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Nhật T không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị Lê Thị Mỹ H không có quan điểm về việc cấp dưỡng nuôi con, nên Tòa án không xem xét, giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[7] Về tài sản chung: Anh Lê Nhật T không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị Lê Thị Mỹ H không có quan điểm về vấn đề tài sản. Nên Tòa án không xem xét, giải quyết về vấn đề tài sản, khi nào các đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[8] Về án phí sơ thẩm: Anh Lê Nhật T là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Điều 51; khoản 2, Điều 56; các điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 6; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Nhật T được ly hôn chị Lê Thị Mỹ H.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Thị Q1, sinh ngày 23 tháng 9 năm 2008 cho anh Lê Nhật T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Lê Nhật T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn anh T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 4334 ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương. Anh Lê Nhật T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương;
- UBND xã N;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Minh Huế